

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DS-ST
Ngày: 25-11-2022
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính;

Bà Phạm Kim Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Từ ngày 24 đến ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đồng Quang S, sinh năm 1937 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện N, tỉnh C ..

Bị đơn: - Ông Đồng Quốc T, sinh năm 1978 (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đồng Quang S trình bày:*

Ông S có 01 phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Rạch Vẹt, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau có diện tích đo đạc thực tế là 16.624,8 m². Năm 2010, ông S chia đất cho các con gồm anh Đồng Quốc Khởi, chị Đồng Ánh Tuyết, anh Đồng Quốc Trung, anh Đồng Quốc Nghĩa và anh Đồng Quốc T mỗi người 03 công đất (1000 m²/công), dư lại khoảng hơn 01 công đất giao luôn cho anh Đồng Quốc T quản lý và trả tiền lại cho ông. Sau đó anh Nghĩa, anh Khởi và anh Trung chuyển nhượng lại cho anh Đồng Quốc T phần được cho, riêng chị Đồng Ánh Tuyết không nhận phần được cho nên trả lại cho ông S. Do đất diện tích nhỏ không thể tách riêng nên toàn bộ diện tích đất trên do anh Đồng Quốc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh T và vợ là Nguyễn Thị Hoàng O đã ly hôn, chia tài sản trên, bản án đã có hiệu lực pháp luật và chị O cũng được chia 01 phần giá trị tài sản từ phần đất trên nên ông S yêu cầu anh T và chị O mỗi người có trách nhiệm thanh toán lại giá trị 04 công đất (80.000.000 đồng/công) cho ông tổng số tiền 320.000.000 đồng, mỗi người trả cho ông S là 160.000.000 đồng. Sau đó ông S có văn bản thống nhất giá trị đất 01 công là 65.000.000 đồng. Tổng 04 công đất ông S yêu cầu vợ chồng ông T và bà O trả lại cho ông là 260.000.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đồng Quốc T trình bày:*

Anh T đồng ý với toàn bộ ý kiến của ông S. Khi vợ chồng tôi ly hôn thì chị O nhận giá trị đất tương ứng với 6,5 công là 422.500.000 đồng, đất giao anh T quản lý đến nay. Anh T đồng ý anh và chị O mỗi người giao trả giá trị đất cho ông S số tiền là 130.000.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:*

Phần của anh Khởi, anh Nghĩa và anh Trung thì chị O và anh T đã nhận chuyển nhượng và thanh toán đủ. Phần 03 công của chị Đồng Ánh Tuyết giao lại cho ông S thì chị O đã đưa tiền cho anh T thanh toán 02 lần, lần đầu là 25.000.000 đồng và lần sau là 30.000.000 đồng, đã thanh toán đủ cho ông S. Phần 01 công đất dư thì anh T nói là ông S cho luôn nên anh T tự có trách nhiệm trả vì chị O không quản lý đất.

Chị O không đồng ý yêu cầu thanh toán của ông S, anh T tự có trách nhiệm thanh toán cho ông S vì tiền mua đất chị đã thanh toán đủ và khi chia tài sản chị nhận được phần giá trị ít hơn anh T.

* *Tại phiên tòa:* Ông S giữ nguyên quan điểm yêu cầu anh T và chị O có trách nhiệm trả lại cho ông giá trị 03 công đất chị Tuyết không nhận giao lại cho ông để dưỡng già và 01 công đất dư khi cho anh T và chị O. Tổng giá trị 04 công đất là 260.000.000 đồng. Mỗi người phải trả cho ông S là 130.000.000 đồng.

Ý kiến trình bày của anh T: Thống nhất trả lại cho cha là ông S 04 công đất trị giá 260.000.000 đồng. Anh T trả 130.000.000 đồng, chị O trả 130.000.000 đồng.

Ý kiến trình bày của chị O: Chị O xác định là có việc ông S cho chị Tuyết 03 công đất nhưng chị Tuyết không nhận và giao trả lại ông S. Phần 03 công đất này chị đã xuất tiền ra đưa cho anh T trả đủ cho ông S 02 lần nên không còn nợ ông S, vì vậy chị không thống nhất trả theo yêu cầu của ông S. Còn 01 công đất dư khi ông S cho vợ chồng thì chị thống nhất chia $\frac{1}{2}$ trách nhiệm thanh toán với anh Tuấn, mỗi người thanh toán cho ông S giá trị $\frac{1}{2}$ công đất là 65.000.000 đồng.

Ngoài ra chị O xác định việc chị đã thanh toán tiền 03 công đất đủ cho ông S, do là cha con nên không có viết biên nhận nhưng chứng minh thực tế là đã trả tiền đủ nên ông S mới ký cho làm Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Đại diện viện kiểm sát không có ý kiến về phần thủ tục trong vụ án, về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T giao trả giá trị $\frac{1}{2}$ công đất dư và $\frac{3}{4}$ giá trị 03 công đất của chị Đồng Ánh Tuyết giao lại cho ông S, chị O có trách nhiệm giao trả $\frac{1}{2}$ giá trị công đất dư và $\frac{1}{4}$ giá trị 03 công đất của chị Đồng Ánh Tuyết giao lại cho ông S, giá trị đất tính theo mức 65.000.000 đồng/công.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đồng Quang S khởi kiện anh Đồng Quốc T và chị Nguyễn Thị Hoàng O giao trả lại giá trị phần đất mà anh T đang quản lý nên xác định đây là “Tranh chấp đòi tài sản” quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Ông Đồng Quang S yêu cầu anh Đồng Quốc T và chị Nguyễn Thị Hoàng O thanh toán giá trị của 04 công đất (01 công đất dư + 03 công đất phần chị

Đồng Ánh Tuyết giao lại ông S) với tổng giá trị là 260.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm thanh toán 130.000.000 đồng.

- Đối với phần 03 công đất của chị Đồng Ánh Tuyết giao lại ông S: Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2022/HNGĐ-ST ngày 03/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn đã giải quyết tranh chấp chia tài sản giữa anh T và chị O. Trong vụ án, chị Đồng Ánh Tuyết đã xác định rõ phần 03 công đất chị được ông S cho, chị giao trả lại cho ông S và chị không còn liên quan phần đất. Anh Đồng Quốc T đồng ý giao trả lại giá trị của 03 công đất, anh T và chị O mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị của 03 công đất vì đến nay chưa trả tiền cho ông S. Chị Nguyễn Thị Hoàng O xác định 03 công đất chị đã đưa tiền cho anh T giao trả đủ cho ông S, vì là chỗ cha con nên không có làm biên nhận, căn cứ chứng minh đã giao trả là việc ông S đã thực hiện chuyển tên Quyền sử dụng đất cho anh T. Xét thấy, lời trình bày của chị O là chưa có cơ sở để chấp nhận vì chị O không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh được việc đã giao trả tiền cho ông S. Do đó chị O và anh T phải có trách nhiệm thanh toán giá trị 03 công đất cho ông S. Tuy nhiên khi chia tài sản chị O chỉ được nhận $\frac{1}{4}$ giá trị phần tài sản từ 03 công đất nên chị O chỉ có trách nhiệm thanh toán cho ông S theo mức tương ứng với phần đã nhận là $\frac{1}{4}$ giá trị của 03 công đất là 48.750.000 đồng, phần giá trị còn lại anh T có trách nhiệm giao trả cho ông S là 146.250.000 đồng.

- Phần 01 công dư: Tại phiên tòa chị O tự nguyện nhận trách nhiệm trả giá trị $\frac{1}{2}$ của 01 công đất dư cho ông Đồng Quang S là 32.500.000 đồng, anh T cũng đồng ý thanh toán cho ông S $\frac{1}{2}$ giá trị công đất dư khi đo đạc mà anh đang quản lý là 32.500.000 đồng. Vì vậy hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của chị O và anh T.

- Về giá trị đất các đương sự không yêu cầu định giá và thống nhất mỗi công đất có giá 65.000.000 đồng nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tính giá trị đất mỗi công là 65.000.000 đồng để làm cơ sở xem xét.

Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu anh T và chị O giao trả giá trị 04 công đất. Buộc anh T có trách nhiệm giao trả cho ông S số tiền 178.750.000 đồng, chị O có trách nhiệm giao trả cho ông S số tiền 81.250.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về chia đôi trách nhiệm trả cho chị O, anh T.

Kể từ ngày ông Đồng Quang S có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp anh

Đồng Quốc T, chị Nguyễn Thị Hoàng O chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh T, chị O còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Anh Đồng Quốc T và chị Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Quang S, buộc anh Đồng Quốc T và chị Nguyễn Thị Hoàng O có trách nhiệm giao trả giá trị của 04 công đất cho ông S, anh Đồng Quốc T giao trả số tiền 178.750.000 đồng và chị Nguyễn Thị Hoàng O giao trả số tiền 81.250.000 đồng.

Kể từ ngày ông Đồng Quang S có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp anh Đồng Quốc T, chị Nguyễn Thị Hoàng O chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh T, chị O còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Anh Đồng Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% với số tiền là 8.937.500 đồng; chị Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% với số tiền là 4.062.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Xuân Chính

Phạm Kim Luyến

Lê Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Xuân Chính

Tạ Huyền Thanh

Lê Minh Khánh